

Số: 225/ĐH BK-KHTC

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

THÔNG BÁO

V/v các mức thu học phí năm học 2019-2020

Trường Đại học Bách Khoa – Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh thông báo các mức thu học phí năm học 2019-2020 như sau:

I. SAU ĐẠI HỌC

1. Khóa 2018 về trước

| TT | Nội dung | Mức thu học phí 1 tín chỉ (VNĐ) |
|---|--|---------------------------------|
| Học phí đào tạo trình độ thạc sĩ | | |
| 1 | Học phí cao học chính quy (ngành Quản trị kinh doanh) | 600.000 |
| 2 | Học phí cao học chính quy (các ngành còn lại) | 700.000 |
| 3 | Học phí cao học chính quy đối với các lớp có sĩ số học viên < 10, các lớp mở tại địa phương, bồi dưỡng Sau Đại học, khối kiến thức bổ sung | 1.050.000 |
| 4 | Học phí gia hạn luận văn, bảo vệ lại luận văn (4 tín chỉ) | 1.050.000 |
| Học phí đào tạo trình độ tiến sĩ | | |
| 5 | Học phí môn học tiến sĩ, chuyên đề đào tạo trình độ tiến sĩ | 1.050.000 |
| 6 | Học phí học kỳ (đã bao gồm bảo vệ hội đồng LATS các cấp) trong thời gian đào tạo chính thức (3 năm đối với NCS đã có bằng ThS, 4 năm đối với NCS chưa có bằng ThS) | 10.000.000 |
| 7 | Học phí học kỳ (đã bao gồm bảo vệ hội đồng LATS các cấp) ngoài thời gian đào tạo chính thức (3 năm đối với NCS đã có bằng ThS, 4 năm đối với NCS chưa có bằng ThS) | 13.000.000 |

2. Khóa 2019

- Học phí học kỳ của học viên cao học:

- 6.680.000 VNĐ/HK (từ 7 đến 12 tín chỉ) đối với học viên ngành Quản trị kinh doanh.
- 8.000.000 VNĐ/HK (từ 7 đến 12 tín chỉ) đối với học viên các ngành còn lại.

- 3.340.000 VNĐ/HK (từ 6 tín chỉ trở xuống) đối với học viên ngành Quản trị kinh doanh.
 - 4.000.000 VNĐ/HK (từ 6 tín chỉ trở xuống) đối với học viên các ngành còn lại.
 - Phần học phí học vượt (hơn 12 tín chỉ/HK) của Khóa 2019 được tính là học phí theo số tín chỉ học vượt, áp dụng mức thu học phí cho 1 tín chỉ của Khóa 2018 trở về trước.
- Học phí học kỳ của Nghiên cứu sinh, dự bị tiến sĩ (ngành Quản trị kinh doanh): 11.000.000 VNĐ/HK.
 - Học phí học kỳ của Nghiên cứu sinh, dự bị tiến sĩ (các ngành còn lại): 13.000.000 VNĐ/HK.
 - Học phí môn học bồi dưỡng Sau đại học, ôn tập, chuyển đổi, khối kiến thức bổ sung (dành cho học kỳ hè), học phí cao học chính quy đối với các lớp mở tại địa phương: 1.050.000 VNĐ/tín chỉ.
 - Học phí chương trình liên thông đại học - thạc sĩ: 640.000 VNĐ/tín chỉ.

II. ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1. CHÍNH QUY ĐẠI TRÀ

- Từ K2018 về trước: 320.000 VNĐ/tín chỉ.
- Cách tính học phí các môn đặc thù:

| STT | Tên môn học | Số TC | Số TC Tính học phí | Số đơn vị học trình (ĐVHT) | Số ĐVHT/TC tính học phí |
|---|---|--|--------------------|----------------------------|-------------------------|
| 1 | Đề cương luận văn | 0 | 2 | -- | -- |
| 2 | Các môn Thể dục 1,2,3 (Đã chuyển thành 09 môn thể dục/thể thao như bóng đá, bóng chuyền...) | 0 | 1 | -- | -- |
| Các môn đặc thù của chương trình PFIEV | | | | | |
| 3 | Môn tiếng Pháp 6 – 003706 và tiếng Pháp 8 – 003708 | -- | -- | 0 | 3 |
| 4 | Các môn học với Mã MH đại trà (Thể dục, Pháp luật VN ĐC, NL CN Mac-Lenin,...) | Tính bằng số tín chỉ của Môn học đại trà | | | |
| 5 | Thực tập tốt nghiệp | -- | -- | 0 | 4 |
| 6 | Luận văn tốt nghiệp | -- | -- | 10 20 (Ngành XD) | 15 |

- K2019: 5.300.000 VNĐ/HK (tối đa 17TC)
 - o Phần học phí học vượt (hơn 17TC/HK) và học phí học lại của môn GDTC (được quy đổi tương đương là 1 TC) của K2019 được tính học phí theo tín chỉ như đơn giá của K2018 trở về trước.
 - o Nhà trường xem xét giảm 50% học phí của học kỳ đó cho các sinh viên học ít hơn hoặc bằng 8TC/HK.
- Học phí các học kỳ dự thính được tính đơn giá 480.000 VNĐ/TC.

2. CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO, TIÊN TIẾN, LIÊN KẾT QUỐC TẾ

- Từ K2018 về trước (ngoại trừ các sinh viên học bằng CTĐT của K2019) : 1.850.000 VNĐ/TC.

Cách tính học phí các môn đặc thù:

| Nhóm | Cách tính học phí |
|---|--|
| Pháp luật Việt Nam đại cương; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác Lê Nin; Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam | $(0.2 * \text{số tín chỉ} * 1.850.000) / \text{lần đăng ký}$ |
| Giáo dục thể chất | 925.000VNĐ/lần đăng ký |
| Kỹ năng mềm | 5.550.000 VNĐ/lần đăng ký |
| Kỹ năng xã hội | 3.700.000 VNĐ/lần đăng ký |
| Nhập môn kỹ thuật (CT Tiên tiến); Đề cương Luận văn tốt nghiệp; Chuyên đề Luận văn tốt nghiệp | |
| Giáo dục Quốc phòng An Ninh | Theo đơn giá của Trung tâm GDQP |

- K2019 (và các sinh viên các khoá trước học bằng CTĐT của K2019): 30.000.000 VNĐ/HK (tối đa 16TC)
 - o Phần học phí học vượt (hơn 16TC/HK) và học phí học lại của môn GDTC (được quy đổi tương đương là 1 TC) của K2019 được tính học phí theo tín chỉ như đơn giá của K2018 trở về trước.
 - o Nhà trường xem xét giảm:
 - 25% học phí của học kỳ đó cho các sinh viên học ít hơn hoặc bằng 12TC/HK;

- 50% học phí của học kỳ đó cho các sinh viên học ít hơn hoặc bằng 8TC/HK;
- 75% học phí của học kỳ đó cho các sinh viên học ít hơn hoặc bằng 4TC/HK.
- Các trường hợp đặc biệt:
 - Với trường hợp học lại nhóm môn kỹ năng:
 - Môn Kỹ năng mềm với mức giá 5.550.000 VNĐ/lần đăng ký;
 - Môn Kỹ năng Xã hội với mức giá 3.700.000 VNĐ/lần đăng ký.
 - Học lại Giáo dục Quốc phòng An ninh: Theo đơn giá Trung tâm GDQP.
 - Đối với SV K2017, K2018 đã chuyển mã lớp, học cùng CTĐT K2019 nhưng đã đăng ký trước một số môn ở HK183, ở HK191 và HK192 SV sẽ được tính học phí theo đơn giá tín chỉ 1.850.000 VNĐ/TC. Các học kỳ tiếp theo tính theo qui định của K2019
- Học phí các học kỳ dự thính được tính đơn giá 2.220.000 VNĐ/TC.
- Học phí sinh viên nước ngoài tính tương tự như sinh viên Việt Nam

III. VĂN BẰNG ĐẠI HỌC THỨ 2 BAN NGÀY, LIÊN THÔNG

- Từ K2018 về trước: tính như chương trình đào tạo đại trà.
- K2019: tính như chương trình đào tạo đại trà.

IV. VĂN BẰNG ĐẠI HỌC THỨ 2 BUỔI TỐI, VỪA LÀM VỪA HỌC, ĐÀO TẠO TỪ XA

- Từ K2018 về trước: 1.5 lần chương trình đào tạo đại trà.
- K2019: 1.5 lần chương trình đào tạo đại trà.

V. CÁC TRƯỜNG HỢP KHÁC

- Học lại môn TD: 320.000 đ/TC.

Nơi nhận:

- Sinh viên;
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu: VT (P.ĐT, P. KHTC, P.ĐT&SDH)

HIỆU TRƯỞNG 

 

PGS.TS. Mai Thanh Phong